

I. COMPOUND NPK

1. TIM THAID 15-5-15+TE



Application

-

Uses

Bổ sung các chất đa, trung, vi lượng giúp nâng cao hiệu quả đầu tư phân bón, tăng khả năng đề kháng sâu bệnh, giảm chi phí phân bón, tăng năng suất, tăng chất lượng nông sản và đem lại hiệu quả kinh tế cao.

Composition

N: 15%, P_2O_5 : 5%, K_2O : 15%, SiO_2 : 8%, S: 8%,
 B_2O_3 : 30ppm, CaO: 500ppm, Zn: 30ppm, MgO: 500ppm,
Fe: 200ppm

2. SILI KA



Application

-

Uses

Cung cấp chất dinh dưỡng cho cây , đặc biệt chất Silic và Kali làm cứng thành vách tế bào mô cây giúp:

Cứng cây, chống đổ ngã, lá dày chắc hạt, hạn chế rụng hạt.

Giúp hạt, củ, quả phát triển nhanh, đặt ruột và tăng màu sắc, chất lượng.

Hạn chế sự xâm nhập của bệnh hại và sự chích hút của côn trùng.

Composition:

N: 1%, P_2O_5 : 2%, K_2O : 16%, SiO_2 : 15%, MgO: 15%

3. NITRO – BO 15-1-3+BO+TE



Composition:

N: 15%, P_2O_5 : 1%, K_2O : 3%, S: 10%.

SiO_2 : 12%, Fe: 0,02ppm, B_2O_3 : 200ppm

Application

-

Uses

Giúp cây trồng phát triển mạnh thân, cành, cứng cây, chống đổ ngã, lá dày và giúp ra hoa, trở bông đồng loạt. Giúp lúa vào gạo nhanh, hạt to – chắc – chắc tới cây.

Sử dụng trong giai đoạn hình thành củ, quả, hạt để tăng cường tổng hợp đường bột, axit amin và tập trung dinh dưỡng nuôi hạt, trái, củ và quả.

Giúp hạn chế xâm nhập của bệnh hại và sự chích hút của côn trùng (rầy nâu, sâu đục thân, sâu cuốn lá...)

Giúp trái lớn nhanh, giảm rụng hoa, rụng trái, bóng trái, vỏ mỏng và tăng độ ngọt của trái.

4. NITRO – BO CNN 15-1-3+BO+TE



Composition:

N: 15%, P_2O_5 : 1%, K_2O : 3%, S: 10%.

Fe: 0,02%, SiO_2 : 12%, B_2O_3 : 200ppm

Application

-

Uses

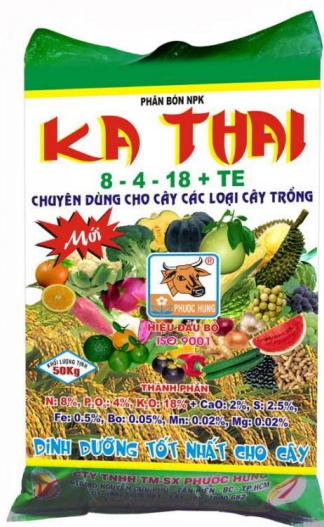
Giúp cây trồng phát triển mạnh thân, cành, cứng cây, chống đổ ngã, lá dày và giúp ra hoa, trở bông đồng loạt. Giúp cây xanh bền.

Giúp cây tăng khả năng đề kháng với một số loại sâu bệnh phổ biến, giúp cây thích ứng trong các điều kiện thời tiết khắc nghiệt.

Hạn chế hiện tượng một nhân nhàn lép trên cà phê.

Làm tăng năng suất và phẩm chất, tăng chất lượng nông sản, giúp nông sản bảo quản được lâu hơn.

5. GENERAL KA THAI 8-4-18+TE



Composition:

N: 8%, P₂O₅: 4%, K₂O: 18%

CaO: 2%, S: 2.5%, Fe: 0.5%, Bo: 0.05%, Mn: 0.02%, Mg: 0.02%

Application

-

Uses

Cung cấp Đạm - Lân- Kali, trung vi lượng cho cây, giúp cây tăng trưởng nhanh trong giai đoạn tạo hoa, mang trái; phát triển củ, hạt.

Trên lúa:

Giúp cứng cây, cứng lá, hạn chế đổ ngã.

Hạn chế một số sâu bệnh, giúp cây thích ứng trong các điều kiện thời tiết khắc nghiệt.

Giúp vàng sáng hạt, to hạt và chắc tới cây.

Trên cây ăn trái:

Tăng ra hoa, giảm tỉ lệ rụng trái.

Lớn trái, bóng trái, chín sớm và tăng phẩm chất trái. Bảo quản trái lâu hơn

6. KA THAI 8-4-18+TE for Industrial Crops



Composition:

N: 8%, P₂O₅: 4%, K₂O: 18%

Secondary and micronutrient:

CaO: 2%, S: 2,5%, Fe: 0,5%, Mn: 0,02%, Bo: 0,05%, Mg: 0,02%

Application

-

Uses

Cung cấp thành phần đạm, lân, kali, trung vi lượng giúp:

Cây tăng trưởng mạnh thân cành, cứng cáp, giảm sâu bệnh.

Hạn chế hiện tượng lép hạt cà phê.

Giúp trái lớn nhanh, nhân to hết cỡ, giảm rụng trái, bóng trái, vỏ mỏng.

Chín sớm, chín tương đối đồng loạt.

Tăng năng suất và chất lượng quả, đủ tiêu chuẩn xuất khẩu.

7. GENERAL BO THAI 14-1-4



Composition:

N: 14%, P₂O₅: 1%, K₂O: 4% CaO: 2%; S: 17%; Fe: 0.5%,
Bo: 500ppm

Application

-

Uses

Cung cấp thành phần hữu cơ, đa trung vi lượng giúp cây xanh tốt lâu bền, nâng cao độ phì của đất, giảm lượng phân NPK, đặc biệt cung cấp nguyên tố Boron giúp cây

Đâm chồi mạnh, ra hoa đồng loạt.

Hạn chế sượng chồi, thối chồi non, khở hoa.

Giảm tỉ lệ rụng hoa, rụng nụ, rụng trái non,

Giúp thụ phấn và thụ tinh trên hoa tốt,

Tăng hương vị, khả năng kháng sâu bệnh.

Tăng năng suất và phẩm chất nông sản, giúp bảo quản lâu hơn.

8. BO THAI 14-1-4 for Industrial Crops



Composition:

N: 14%, P₂O₅: 1%, K₂O: 4%
CaO: 2%; S: 17%; Fe: 0.5%, Bo: 500ppm

Application:

Điều, cà phê, tiêu, cao su...

- Lần 1: Kiến thiết cơ bản, bón 0.5 - 1kg/cây.
- Lần 2: Trước khi ra hoa, bón 0.5 - 1kg/cây.
- Lần 3: Trước khi thu hoạch, bón 1 - 1.5kg/cây.
- Lần 4: Sau khi thu hoạch, bón 1 - 2kg/cây.

Uses

Cung cấp thành phần hữu cơ, đa trung vi lượng cho cây, giúp cây trồng tăng trưởng nhanh, ra chồi mạnh, tăn ra hoa, giảm tỉ lệ rụng hoa, rụng trái non, giúp cây xanh tốt lâu bền, nâng cao độ phì nhiêu của đất, giảm lượng phân NPK

Tăng khả năng đề kháng với một số sâu bệnh phổ biến, giúp cây thích ứng với điều kiện khắc nghiệt.

Tăng năng suất và phẩm chất nông sản, giúp bảo quản lâu hơn

9. NPKS 20-5-5-13S for Coffee Tree



Application and Uses

Tăng ra hoa - đậu trái đồng loạt.

Cà phê sử dụng 0.3-0.5 kg/cây.

Hồ tiêu sử dụng 0.3-0.5 kg/cây.

Tùy theo vùng đất và giống bón gia giảm cho phù hợp.

Composition:

N: 20% , P₂O₅: 5%, K₂O: 5%, S: 13%, Bo: 350ppm

10. NPK 15-15-20+TE



Application

-

Uses

Cung cấp dinh dưỡng NPK cho sự phát triển của cây trồng.

Nuôi dưỡng và phát triển thân lá, củ, quả và hạt.

Composition:

N: 15%, P₂O₅: 15%, K₂O: 20%, SiO₂: 2%, Fe: 0,05%.

11. NPK 20-20-15+TE



Composition:

N: 20 %, P₂O₅: 20 %, K₂O: 15 %

MgO: 0,8 %, CaO: 2%, Fe: 0,2 %

Application

- Lúa: 200-250kg/ha

* Thúc 1: 7 - 10 ngày sau sạ (rải phân lần 1).

* Thúc 2: 18 - 25 ngày sau sạ (rải phân lần 2).

- Cây ăn trái: Bón sau thu hoạch và trước khi ra bông 150-200g/gốc.

- Cây công nghiệp: Bón 150-250kg/ha.

- Rau màu: Bón sau khi có 2-3 lá, bón 2 lần cách nhau 10 ngày
100kg/ha

Uses

Cung cấp chất dinh dưỡng NPK về trung lượng giúp cây đâm chồi, thân lá phát triển tốt to – mập, cứng cây

- Ra nhiều hoa, trái.
- To trái, to củ, chắc hạt.
- Giúp cây chống chịu thời tiết khắc nghiệt.
- Tăng tính chống chịu với sâu bệnh.
- Tăng năng suất và chất lượng nông sản.

12. NPK 20-10-15+ME



Composition:

N: 20%, P₂O₅: 10%, K₂O: 15%

S: 8%, CaO: 4,5%

Application

-

Uses

Giúp hạ phèn, phát triển rễ, tăng trưởng mạnh thân cành, tăng năng suất.

Cung cấp đa lượng và trung lượng giúp gia tăng trọng lượng và chất lượng của trái, củ, hạt.

Phù hợp giai đoạn cây nuôi trái, phát triển củ và hạt.

13. NPK 20-0-10+ME



Composition:

N: 20%, P_2O_5 : 0%, K_2O : 10%

S: 7,5%, CaO: 2,5%

Application

-

Uses

Giúp cứng cây, cứng lá, tăng trưởng thân cành, tăng sức chống chịu sâu bệnh và tăng năng suất cây trồng.

Cung cấp đa lượng và trung lượng giúp gia tăng trọng lượng và chất lượng của trái, củ, hạt.

Phù hợp giai đoạn cây nuôi trái, phát triển củ và hạt.

14. NPK 30-9-9+2MgO+TE



Composition:

N: 20 %, P_2O_5 : 20 %, K_2O : 15 %

MgO: 0,8 %, CaO: 2%, Fe: 0,2 %

Application

- Lúa: 200-250kg/ha

* Thúc 1: 7 - 10 ngày sau sạ (rải phân lần 1).

* Thúc 2: 18 - 25 ngày sau sạ (rải phân lần 2).

- Cây ăn trái: Bón sau thu hoạch và trước khi ra bông 150-200g/gốc.

- Cây công nghiệp: Bón 150-250kg/ha.

- Rau màu: Bón sau khi có 2-3 lá, bón 2 lần cách nhau 10 ngày 100kg/ha

Uses

Cung cấp chất dinh dưỡng NPK về trung lượng giúp cây đâm chồi, thân lá phát triển tốt to – mập, cứng cây

- Ra nhiều hoa, trái.
- To trái, to củ, chắc hạt.
- Giúp cây chống chịu thời tiết khắc nghiệt.
- Tăng tính chống chịu với sâu bệnh.
- Tăng năng suất và chất lượng nông sản.

II. ORGANIC FERTILIZERS

1. ORGANIC PALLET-MATE (4-3-3+12CaO+TE+800M)



Application

-

Uses

Bổ sung các chất đa, trung, vi lượng giúp nâng cao hiệu quả đầu tư phân bón, tăng khả năng đề kháng sâu bệnh, giảm chi phí phân bón, tăng năng suất, tăng chất lượng nông sản và đem lại hiệu quả kinh tế cao.

Composition

N: 4%, P_2O_5 : 3%, K_2O : 3%, CaO: 12%

Organic Matter: 80%

MgO: 1.19%, Na₂O: 1.19%, SO₄: 0.69%, Fe: 1200 mg/kg,

Mn: 480 mg/kg, Zn: 420 mg/kg, Cu: 110 mg/kg, B: 45 mg/kg

2. CALCIUM CHLORIDE



Application

-

Uses

- Cải tạo đất, hạn chế các bệnh tuyến trùng rễ, thối rễ, giúp phát triển rễ, tăng vi sinh vật có ích trong đất làm cây tươi tốt, cứng cáp, giảm lượng phân bón NPK.

- Chứa lân và trung vi lượng giúp cây có mùi lớn trái, quả ngọt, lóng trái, com đầy, hấp thu dinh dưỡng cao, ít bệnh tật, ít phải dùng thuốc trừ sâu bệnh.

- Hạn chế hiện tượng khô múi, ít nước.

- Hạn chế hiện tượng vàng lá do thiếu Zn, Mg, Ca, ra rễ mới sau khi thu hoạch.

- Thích hợp cho việc sản xuất trái cây an toàn.

Composition

N: 2.5%, P_2O_5 : 2.5%, K_2O : 2.5%, Organic matter: 20%, CaO:

0.5%, Mg: 0.2%, Fe: 0.01%, S: 0.3%, Zn: 0.01%, Cu: 0.01%, B:

0.001, Mn: 0.01%, Mo: 0.01%, moisture: ≤ 30%

3. ORGANIC BALL-MATE (5-0-1+HA+AA+500M+TE)



Application

-

Uses

Bổ sung các chất đa, trung, vi lượng giúp nâng cao hiệu quả đầu tư phân bón, tăng khả năng đề kháng sâu bệnh, giảm chi phí phân bón, tăng năng suất, tăng chất lượng nông sản và đem lại hiệu quả kinh tế cao.

Composition

N: 5%, K₂O: 1%

Humic acid: 10%, Amino acid: 8%, Sulfur: 10%

Trace elements: Mg+Ca+Fe: 5%

Organic Matter: 50%

4. DAU BO NO. 1 - Trichoderma (for Fruit Tree)



Application

-

Uses

Chứa chitin cải tạo đất, chống các bệnh tuyến trùng rễ, thối rễ, giúp phát triển rễ, tăng vi sinh vật có ích trong đất làm cây tươi tốt, cứng cáp, giảm lượng phân bón NPK.

- Chứa lân và trung vi lượng giúp cây ăn trái, quả ngọt, lóng trái, hấp thu dinh dưỡng cao, ít bệnh tật, ít phải dùng thuốc trừ sâu.

- Thích hợp cho việc sản xuất trái cây an toàn

.

Composition

N: 2.5%; P₂O₅: 2.5% ; K₂O : 2.5%

Secondary and micronutrient :

CaO, 0.5%, Mg: 0.2%, S: 0.3%, Cu: 0.01%, Fe: 0.01%,

Zn:0.01, Mn: 0.01%, B: 0.001%, Mo: 0.01, Organic matter:

20%, moisture: ≤ 30%

III. FOLIAR FERTILIZERS

1. NO. 603 SUPER



Application

-

Uses

Oligo Demax chứa Amino acid và Oligopeptid được thủy phân từ tôm, cá biển bằng men proteaza thành 14 loại acid amin và vi lượng sinh học khác nhau.

Giúp tăng trưởng cây trồng, giúp ra rễ, trổ hoa đồng loạt.

Tăng đậu trái và giúp cứng cây.

Thích hợp cho việc sản xuất nông sản sạch.

Composition

Oligopeptide: 603 mg/lít.

N: 9,7%, P_2O_5 : 4,2%, K_2O : 4,5%

Bio-micronutrients:

Ca: 150 ppm, Mg: 100 ppm, S: 600 ppm, Cu: 30 ppm, Fe: 50

ppm, Zn: 50 ppm, Mn: 40 ppm, Bo: 300 ppm, Mo: 50 ppm, I:

50 ppm

2. DEMAX 601



Application

-

Uses

Kích thích phát triển bộ rễ nhanh và nhiều.

Giảm tỷ lệ hạt lép, chống rụng hạt.

Tăng khả năng đề kháng đối với sâu bệnh, hạ phèn, giảm mặn.

Giúp hạt chắc, trái to – sáng – đẹp.

Composition

N: 5%, P_2O_5 : 3%, K_2O : 2%

Micronutrients:

Mg: 80 ppm, S: 40 ppm, Cu: 90 ppm, Fe: 80 ppm, Zn: 70 ppm,

Mn: 60 ppm, B: 50 ppm, Mo: 30 ppm.

3. DEMAX for Soaking seeds



Application

-

Uses

Phá vỡ miên trạng hạt lúa giống.

Kích thích hạt lúa giống nhanh nảy mầm, phát triển rễ, cung cấp dinh dưỡng cho mầm.

Giúp mầm lúa to, khỏe, kháng sâu bệnh

Composition

NO₃: 25%, CaO: 22%, Mn: 20000 ppm; Cu, Zn, Fe: 500 ppm.

4. HUMATE K



Application

Pha 1000ml/10 lít nước tưới cho 3-5 gốc. Định kỳ 10-15 ngày tưới 1 lần, tưới 2-3 lần/năm

Uses

Tăng trưởng cây trồng, phát triển bộ rễ, cải tạo đất, giúp cây tăng cường quang hợp và trao đổi chất.

Cung cấp Đạm, Lân, Kali, vi lượng ở dạng dễ tiêu cho cây trồng.

Kích thích cây mau ra rễ, đâm chồi, lá xanh mượt, phòng chống nghẹt rễ, phục hồi rễ hư khi cây bị hạn hán, mưa dầm, ngập lụt. Tăng năng suất nông sản. HUMATE-K có tác dụng trên tất cả các loại cây trồng

Composition

Humate Kali: 2%

N : 5%, P₂O₅ : 3%, K₂O : 2%

Secondary and micronutrient (ppm): Mg: 80, S: 40, Cu: 90, Fe:

80, Zn: 70, Mn: 60, B: 50, Mo: 30.

5. FOLI 5_BIG FRUIT



Composition

N,O-Carboxyl methyl chitosan: 2,5%, Auxin + Ga_3 : 0,03%,

NAA : 0,05%, CaO : 4%.

N: 5%, P_2O_5 : 10%, K_2O : 10%

Secondary and micronutrient:

Mg: 500 ppm, S: 700 ppm, Cu: 50 ppm, Zn: 1000 ppm, Fe: 50

ppm, Mn: 100 ppm, B: 400 ppm.

Application

-

Uses

Giúp trái lớn nhanh, to hết cỡ và nặng ký.

Tăng độ ngọt, hương vị và màu sắc của trái.

Hoạt chất sinh học trong chế phẩm tạo kháng thể cho cây giúp chặn đứng các mầm bệnh trên trái, thân, lá.

Giúp trái bóng đẹp, tươi lâu, cây khỏe

6. FOLI 8_DRAGON



Composition

N : 0,5%, K_2O : 2%, Kalinitro Chlorid: 0,5%

Fulvic acid + NAA

Application

-

Uses

Giúp cây ra rễ mạnh, phục hồi nhanh sau thu hoạch.

- Tăng khả năng chống chịu phèn, mặn.
- Giúp Thanh Long đâm cành mạnh và đồng loạt.
- Hạn chế hiện tượng rụng nụ.
- Tăng khả năng đậu trái.
- Hạn chế hiện tượng nám thân, khô cành, mềm trái.

7. NANO BENZO



Application

-

Uses

- Giúp Thanh Long đâm cành mạnh và đồng loạt.
- Kích cây trở sớm, nhiều hoa và trở đồng loạt.
- Tăng khả năng đậu trái.
- Hạn chế hiện tượng nám thân, khô cành, mềm trái.
- Giúp trái lớn nhanh, trái to, tai xanh – cứng – dày.

Composition

N: 0,5%, K₂O: 2%, Kalinitro Chlorid: 0,5%, Alpha-Naphthalene Acetic Acid, Bta-Naphtoxy Acetic Acid, Gibberellic Acid (GA-3)

8. DEMAX 10-20-10



Application

* Liều lượng: 25ml / bình 16 lít (Chai 1 lít dùng cho 2 ha).

* Thời điểm phun:

- Lúa: Phun 1-2 lần trước khi đẻ nhánh, khi ruộng bị xì phèn, ngộ độc hữu cơ.
- Cây ăn trái: Phun từ khi mới trồng đến khi có trái.
- Cây công nghiệp: Phun khi cây ra chồi non, trước trổ hoa và sau thu hoạch.
- Cà chua, dưa hấu, dưa leo, đậu các loại, khoai các loại, các loại cây lấy củ... : Phun 1 lần sau khi đặt cây, sau đó 10 ngày phun 1 lần

Uses

Giúp hoa trở sớm – đồng loạt – hạn chế hoa bị nghẹn – hạn chế rụng hoa sinh lý.

Giúp phát triển chồi, tăng khả năng đậu trái.

Giúp trái to hết cỡ, bóng trái, tăng độ ngọt và nặng ký.

Hạn chế nám trái – héo trái – nứt trái – thối đít trái.

Hạn chế bệnh thối cổ rễ, chết nhanh, vàng lá, đốm lá trên các loại rau màu và các loại cây ăn trái khác

Composition

Alginate + chất chiết suất rong biển: 7000 ppm.

* N: 5%, P₂O₅: 10%, K₂O: 10%

* *Secondary and micronutrient:*

Mg: 300 ppm, S: 700 ppm, Cu: 100 ppm, Zn: 300 ppm, Fe: 100 ppm, Mn: 100 ppm, B: 300 ppm, Mo: 50 ppm

9. DEMAX 603



Composition

Ga₃: 0.01%. Ca: 2%, B₂O₃: 1500 ppm

N: 9.2%, P₂O₅: 3.1%, K₂O: 2.3%

IAA+IBA: 500 ppm, Acid Amin: 600 mg/ lít

Secondary and micronutrient:

B: 300 ppm, Mg: 100ppm, I: 50 ppm, S: 600 ppm, Cu: 30 ppm, Fe: 50 ppm, Zn: 50 ppm, Mn: 40 ppm, Mo: 50 ppm.

Application

-

Uses

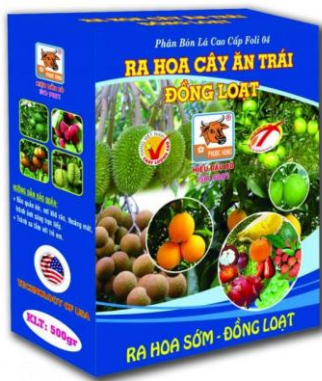
*Cung cấp nguồn dinh dưỡng cần thiết cho cây trong giai đoạn ra hoa-đậu trái.

*Đặc biệt có chứa Bo giúp cây ăn trái tăng khả năng thụ phấn, tỉ lệ đậu trái cao

*Hạn chế rụng hoa và trái non, cuốn trái dài hơn.

*Hạn chế nấm trái và héo trái.

10. FOLI 4_Stimulation Flower



Composition

N: 5%, P₂O₅: 5%, K₂O: 10% Thiourea: 50%.

Secondary and micronutrient: B: 300 ppm, Mg: 300 ppm, S: 700 ppm, Cu: 100 ppm, Fe: 100 ppm, Zn: 300 ppm, Mn: 100 ppm, Mo: 50 ppm

Application

-

Uses

*Giúp hoa trở sớm, đồng loạt và ra nhiều hoa, kể cả trong điều kiện bất lợi.

*Giúp cây ăn trái ra hoa nghịch mùa.

*Giúp phát chồi hoa vườn dài.

*Tăng khả năng ra hoa những cây khó ra

*Hạn chế hoa bị nghẹn.

*Tăng khả năng đậu trái non, hạn chế rụng hoa sinh lý.

*Giúp trái to, bóng, tăng năng suất và chất lượng trái.

11. SUPER DEMAX



Application

-

Uses

Giúp trái lớn nhanh, to hết cỡ và nặng ký.

Tăng độ ngọt, hương vị và màu sắc của trái.

Hoạt chất sinh học trong chế phẩm tạo kháng thể cho cây giúp chặn đứng các mầm bệnh trên trái, thân, lá.

Giúp trái bóng đẹp, tươi lâu, cây khỏe.

Composition

CM Chitosan: 3%, N: 6%, P_2O_5 : 6%, K_2O : 4%

Secondary and micronutrient:

Mg: 85 ppm, S: 37 ppm, Cu: 80 ppm, Zn: 78 ppm, Fe: 90 ppm,

Mn: 65 ppm, B: 30 ppm, Mo: 37 ppm
